

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index bật tăng ngay khi mở cửa phiên sáng, tuy nhiên đà tăng chững lại khi chỉ số tiếp cận ngưỡng 1,715. Sau một ngày giằng co, VN-Index đóng cửa tại mốc 1,701.67 điểm, tăng gần 11 điểm so với hôm qua. 9/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Du lịch & giải trí, Hàng & dịch vụ công nghiệp, Bất động sản tiếp tục tăng mạnh hơn 2%. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên cả ba sàn HSX, HNX và UPCOM. Cây nến với bóng nến trên dài cho thấy áp lực chốt lời đã xảy ra khi VN-Index vượt kháng cự 1,700; đồng thời, nhịp tăng của chỉ số đang thiếu sự đồng thuận trên diện rộng khi thanh khoản tiếp tục suy yếu. Trong những phiên tới, rung lắc có thể xảy ra quanh ngưỡng 1,700, nhà đầu tư nên giao dịch cẩn trọng.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 01/12/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+10.68** điểm, đóng cửa tại **1701.67** điểm. HNX-Index **-2.00** điểm, đóng cửa tại **257.91** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VIC (+8.53)**, **VPL (+2.83)**, **VHM (+2.64)**, **GEE (+1.20)**, **GAS (+1.11)**.
- Kéo chỉ số giảm: **TCB (-0.86)**, **CTG (-0.71)**, **HVN (-0.57)**, **GVR (-0.52)**, **LPB (-0.46)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **16,222** tỷ đồng, giảm **-11.98%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 21,090 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 16.39 điểm. Thị trường có **135** mã tăng, 53 mã tham chiếu, **178** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-298.48** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VHM (-229.18 tỷ)**, **VIC (-160.40 tỷ)**, **VCB (-64.76 tỷ)**, **HDB (-46.11 tỷ)**, **TCB (-44.99 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-9.19** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **-0.42%**. Các mã diễn biến tích cực:
DBC (+3.19%) [\(Link báo cáo\)](#)
VHM (+2.72%) [\(Link báo cáo\)](#)
MSN (+1.81%) [\(Link báo cáo\)](#)
- BSC50 **-0.20%**. Các mã diễn biến tích cực:
SAB (+5.60%)
VIC (+3.65%) [\(Link báo cáo\)](#)
GAS (+3.15%) [\(Link báo cáo\)](#)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-0.42%	-0.20%	0.63%	0.50%
1 tuần	-0.09%	-0.27%	2.02%	0.90%
1 tháng	-0.34%	-1.82%	3.78%	2.56%
3 tháng	-4.51%	-6.43%	1.16%	3.66%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,701.67	257.91	119.14
% 1D	0.63%	-0.77%	0.13%
GTKL (tỷ VND)	16,222	975	364
%1D	-11.98%	-24.25%	-36.19%
GDNN (tỷ VND)	-298.48	-9.19	-8.99

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
FPT	93.38	VHM	-229.18
MSN	90.64	VIC	-160.40
VNM	65.80	VCB	-64.76
VPL	61.06	HDB	-46.11
VPB	60.31	TCB	-44.99

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

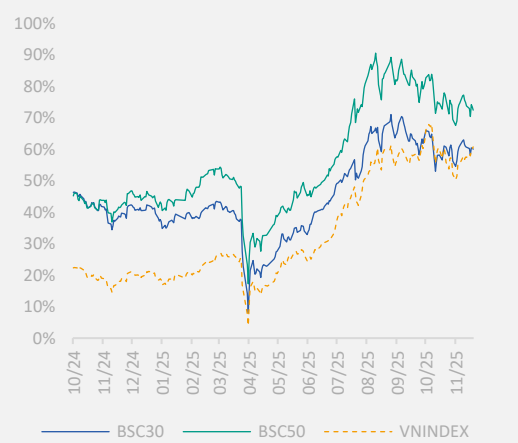
		%D	%W
SPX	6,849	0.54%	4.75%
FTSE100	9,712	-0.09%	1.86%
Eurostoxx	5,661	-0.12%	2.48%
Shanghai	3,914	0.65%	2.01%
Nikkei	49,303	-1.89%	1.42%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	63.58	0.59%
Giá vàng	4,249	-0.13%
Tỷ giá		
USD/VND	26,413	0.00%
EUR/VND	31,376	0.24%
JPY/VND	173	0.00%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	4.1%	0.02%
LS LNH 1M	6.1%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

Mục lục

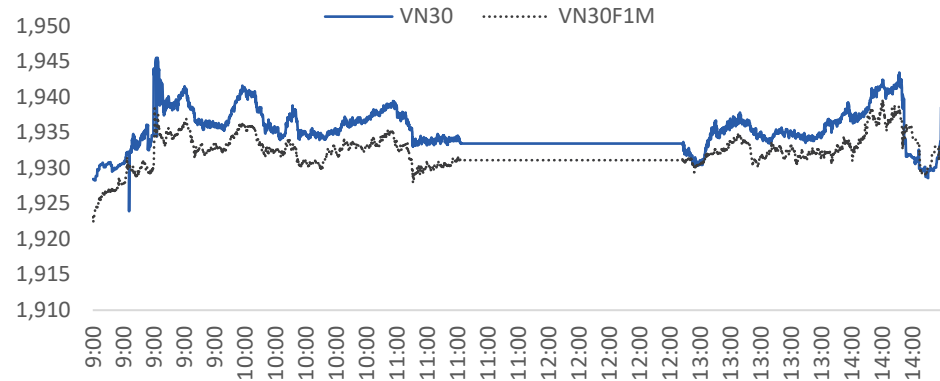
Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7



Mở tài khoản tại BSC

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs VN30F1M Intraday



Nguồn: BSC tổng hợp

HĐTL	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
41I1G1000	1932.70	0.91%	404	-8.8%	15/01/2026	45
41I1G6000	1930.00	0.99%	19	375.0%	18/06/2026	199
VN30F2512	1933.20	0.53%	196,937	-4.1%	18/12/2025	17
41I1G3000	1927.00	0.50%	23	-11.54%	19/03/2026	108

Nguồn: BSC

Nhận định

- VN30 +9.64 điểm, đóng cửa tại 1933.56 điểm. Biên độ dao động 15.20 điểm. Các cổ phiếu như VIC, VHM, MSN, VNM, FPT tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 giữ được sắc xanh từ khi mở cửa với thanh khoản tiếp tục duy trì ở mức thấp dưới ngưỡng MA20. Chiến lược là long/short linh hoạt với phái sinh.
- Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, các HĐTL đều giảm, ngoại trừ 41I1G6000.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CTCB2515	25/12/2025	24	63,500	40.11%	44.81	350	66.7%	0.00	46.52	33.20	33.20
CMBB2514	23/12/2025	22	2,000	1.54%	18.00	2,470	38.0%	2.33	23.56	23.20	23.20
CSTB2529	25/03/2026	114	304,800	36.20%	65.50	620	29.2%	0.29	66.74	49.00	49.00
CFPT2516	23/01/2026	53	74,000	12.29%	102.64	670	28.8%	0.24	108.47	96.60	96.60
CTPB2507	24/02/2026	85	4,500	29.63%	20.97	560	24.4%	0.09	22.04	17.00	17.00
CSTB2519	23/06/2026	204	109,300	14.61%	51.00	1,720	22.9%	1.77	56.16	49.00	49.00
CVRE2513	15/12/2025	14	561,000	0.69%	30.00	2,570	22.4%	2.48	35.14	34.90	34.90
CVNM2514	23/01/2026	53	176,500	1.93%	53.54	1,650	19.6%	1.54	66.15	64.90	64.90
CVNM2509	23/02/2026	84	105,000	9.03%	66.48	580	18.4%	0.33	70.76	64.90	64.90
CVRE2524	25/06/2026	206	531,600	22.89%	35.89	1,750	17.4%	0.96	42.89	34.90	34.90
CTCB2510	23/12/2025	22	165,400	3.29%	30.20	1,400	16.7%	1.11	34.29	33.20	33.20
CVRE2510	19/12/2025	18	1,000	1.06%	22.11	3,290	16.7%	3.21	35.27	34.90	34.90
CVIC2514	25/06/2026	206	27,200	2.89%	148.89	12,880	16.5%	12.51	277.69	269.90	269.90
CVNM2503	26/03/2026	115	250,200	7.63%	63.21	1,450	16.0%	1.03	69.85	64.90	64.90
CVRE2516	23/06/2026	204	638,100	6.99%	26.00	5,670	14.8%	5.04	37.34	34.90	34.90
CVNM2513	15/12/2025	14	1,672,300	-0.13%	58.17	1,440	13.4%	1.48	64.81	64.90	64.90
CSTB2528	23/02/2026	84	906,400	7.59%	49.00	1,240	12.7%	1.29	52.72	49.00	49.00
CVIC2516	18/01/2027	413	161,900	29.17%	250.00	12,330	12.1%	6.91	348.64	269.90	269.90
CMBB2515	23/03/2026	112	24,600	5.32%	20.25	1,860	12.0%	1.62	24.44	23.20	23.20
CMSN2515	23/12/2025	22	167,400	1.12%	64.00	1,960	12.0%	1.87	79.68	78.80	78.80

Nguồn: BSC

Chú thích:

Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

***:**

Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

- Trong phiên giao dịch ngày 01/12/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.
- CTCB2515 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 66.67%. CHPG2535 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 5.10%.
- CVHM2521, CFPT2503, CVRE2526, CVHM2524, CTPB2510 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

CVIC2509, CVIC2508, CVIC2511, CVIC2513, CVIC2514 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Nguyen Giang Anh
anhng@bsc.com.vn

Top CP tác động tích cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
VIC	269.90	3.65%	8.94
VHM	105.70	2.72%	2.38
MSN	78.80	1.81%	1.85
VNM	64.90	1.41%	1.14
FPT	96.60	0.52%	1.08

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
TCB	33.20	-1.63%	-1.38
LPB	47.90	-1.44%	-1.29
HDB	31.50	-1.56%	-0.85
SSI	32.00	-2.44%	-0.75
ACB	24.00	-1.03%	-0.71

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIC	269.90	3.65%	8.53	3.88
VPL	101.60	6.95%	2.83	1.79
VHM	105.70	2.72%	2.64	4.11
GEE	210.70	6.95%	1.20	0.37
GAS	65.40	3.15%	1.11	2.41

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
NTP	64.50	0.78%	0.05	0.17
DNP	19.80	2.06%	0.03	0.14
PVI	88.00	0.23%	0.03	0.23
THD	30.50	0.33%	0.02	0.38
AME	8.00	6.67%	0.02	0.07

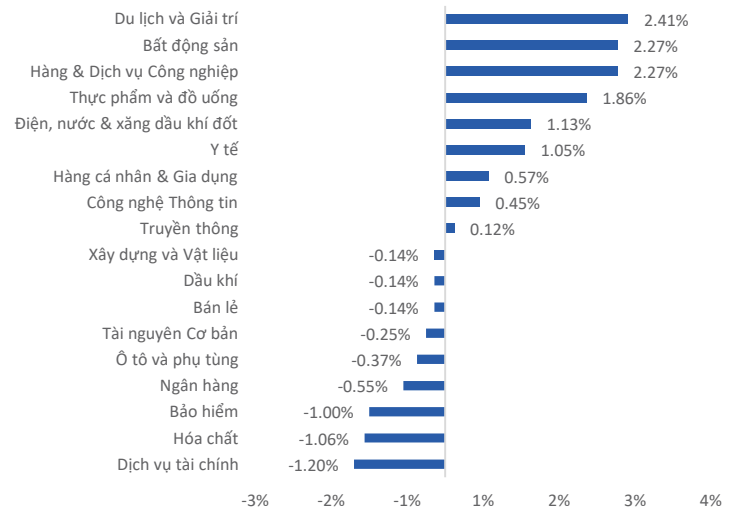
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PLP	7.82	6.98%	0.01	1.22
GEE	210.70	6.95%	1.20	1.32
VPL	101.60	6.95%	2.83	3.30
TSC	3.25	6.91%	0.01	3.34
FIT	5.11	6.90%	0.03	4.31

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
INC	24.10	9.55%	0.02	0.00
PTX	27.10	9.27%	0.06	0.00
CTT	23.50	8.80%	0.04	0.00
TKU	14.50	8.21%	0.21	0.00
QHD	45.00	7.40%	0.08	0.00

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
TCB	33.20	-1.63%	-0.86	7.09
CTG	48.40	-1.22%	-0.71	5.37
HVN	28.05	-2.94%	-0.57	3.11
GVR	26.70	-2.20%	-0.52	4.00
LPB	47.90	-1.44%	-0.46	2.99

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	120.10	-9.97%	-1.42	0.20
KSF	72.90	-0.82%	-0.32	0.90
SHS	20.50	-2.38%	-0.26	0.90
CEO	25.00	-2.72%	-0.23	0.57
NVB	13.80	-0.72%	-0.11	1.92

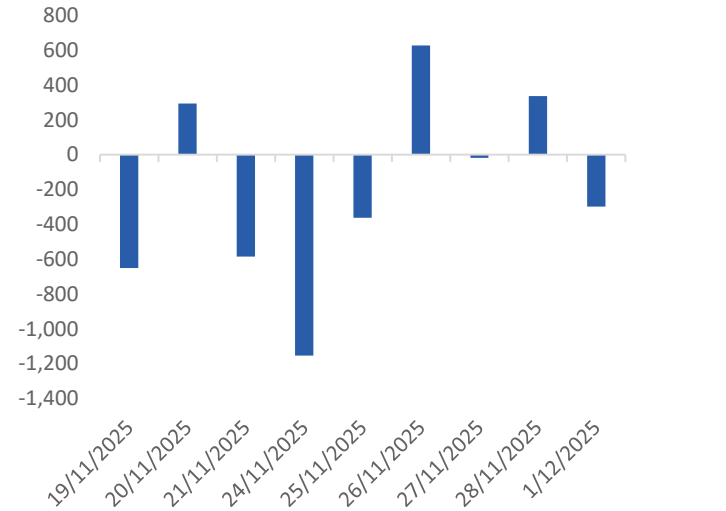
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
SVI	41.10	-6.91%	-0.01	0.02
PJT	8.38	-6.89%	0.00	0.00
FUEIP100	12.26	-6.55%	0.00	0.00
FUCVREIT	7.91	-5.83%	0.00	0.00
HRC	27.50	-5.17%	-0.01	0.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	120.10	-9.97%	-9.12	0.25
VIT	17.20	-9.95%	-0.33	0.01
VC6	22.60	-9.60%	-0.09	0.00
MAC	14.00	-9.09%	-0.22	0.01
HLC	15.60	-8.77%	-0.13	0.07

Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	80.0	0.1%	1.1	118,277	252.8	3,955	20.2	100,800	46.1%	Link
KBC	Bất động sản	34.7	-1.8%	1.4	32,632	68.8	1,872	18.5	46,000	10.4%	Link
KDH	Bất động sản	34.2	-2.4%	1.1	38,324	143.9	857	39.8	39,900	27.5%	Link
PDR	Bất động sản	21.9	-2.7%	1.3	21,458	114.3	211	103.8	28,200	9.0%	Link
VHM	Bất động sản	105.7	2.7%	1.3	434,153	778.2	6,133	17.2	119,600	9.0%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	96.6	0.5%	0.9	164,559	477.6	5,280	18.3	118,700	38.8%	Link
BSR	Dầu khí	15.4	-0.7%	0.0	77,112	34.3	413		23,200	0.5%	Link
PVS	Dầu khí	32.0	-0.6%	1.4	16,366	71.0	2,841	11.3	42,800	13.0%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	22.1	-0.2%	1.3	23,867	92.5	1,392	15.9		34.5%	
SSI	Dịch vụ tài chính	32.0	-2.4%	1.1	66,429	942.6	1,882	17.0		32.7%	
VCI	Dịch vụ tài chính	33.4	-1.0%	1.1	24,135	212.1	1,589	21.0		15.4%	
DCM	Hóa chất	33.7	-0.6%	1.3	17,841	26.8	3,578	9.4	47,300	3.7%	Link
DGC	Hóa chất	95.0	0.7%	1.2	36,079	89.2	8,296	11.5	109,300	10.6%	Link
ACB	Ngân hàng	24.0	-1.0%	0.9	123,280	400.4	3,385	7.1	28,400	29.2%	Link
BID	Ngân hàng	37.0	-0.4%	1.0	259,439	54.2	3,781	9.8	49,500	17.2%	Link
CTG	Ngân hàng	48.4	-1.2%	1.1	259,908	188.5	6,208	7.8	53,500	25.5%	Link
HDB	Ngân hàng	31.5	-1.6%	1.2	121,572	241.2	3,655	8.6	34,400	23.8%	Link
MBB	Ngân hàng	23.2	-0.2%	1.0	186,876	182.0	3,017	7.7	29,300	20.1%	Link
MSB	Ngân hàng	12.9	-1.9%	1.1	40,248	136.3	1,729	7.5	14,000	29.3%	Link
STB	Ngân hàng	49.0	0.8%	0.8	92,376	299.1	6,519	7.5		14.8%	
TCB	Ngân hàng	33.2	-1.6%	1.1	235,263	328.2	3,112	10.7	43,500	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	17.0	-1.7%	1.2	47,159	144.1	2,358	7.2	-	24.5%	Link
VCB	Ngân hàng	57.5	0.2%	0.7	480,451	167.5	4,202	13.7	73,200	21.4%	Link
VIB	Ngân hàng	18.4	-0.8%	0.9	62,464	71.9	2,225	8.3	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	29.3	0.2%	1.2	232,464	475.4	2,603	11.3	35,650	24.3%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	26.5	-0.2%	1.0	203,400	716.4	1,876	14.1	33,170	19.4%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	16.5	-1.2%	1.0	10,246	37.7	1,178	14.0	19,800	4.7%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	27.5	3.2%	1.2	10,584	219.3	4,150	6.6	28,800	2.0%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	78.8	1.8%	1.2	113,938	538.2	2,196	35.9	98,300	23.0%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	64.9	1.4%	0.6	135,638	595.4	4,160	15.6	64,500	50.1%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	43.6	-0.23%	1.2	9,643	94.8	2,411	18.1	22.4%	17.1%	Link
FRT	Bán lẻ	145.0	-1.36%	0.9	24,694	50.9	3,620	40.1	32.1%	24.8%	Link
BVH	Bảo hiểm	51.5	-1.15%	1.2	38,230	10.5	3,578	14.4	26.9%	11.3%	
DIG	Bất động sản	20.2	-2.18%	1.1	16,088	142.0	510	39.6	4.2%	4.4%	
DXG	Bất động sản	18.4	-2.13%	1.2	18,747	149.8	401	45.9	20.5%	3.2%	Link
HDC	Bất động sản	26.7	-2.02%	1.0	5,333	53.1	3,057	8.7	2.8%	25.2%	
HDG	Bất động sản	31.2	-1.73%	1.5	11,543	47.3	938	33.3	21.1%	5.5%	Link
IDC	Bất động sản	39.9	-0.99%	1.3	15,142	53.2	4,849	8.2	11.0%	31.5%	Link
NLG	Bất động sản	35.7	-0.83%	1.1	17,297	18.6	2,153	16.6	45.3%	8.8%	Link
SIP	Bất động sản	56.0	-1.06%	1.3	13,558	26.3	5,474	10.2	3.1%	28.2%	
SZC	Bất động sản	30.8	-0.49%	1.1	5,535	9.6	1,763	17.4	2.5%	10.1%	Link
TCH	Bất động sản	20.3	-0.73%	1.5	18,516	59.3	801	25.4	12.7%	5.7%	Link
VIC	Bất động sản	269.9	3.65%	1.3	1,039,929	3235.9	2,287	118.0	3.8%	6.2%	Link
VRE	Bất động sản	34.9	1.90%	1.4	79,304	485.4	2,144	16.3	13.7%	11.1%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	37.4	-0.13%	1.1	7,909	7.8	1,833	20.4	38.3%	13.1%	Link
PLX	Dầu khí	34.5	1.62%	0.7	43,772	48.7	2,090	16.5	14.7%	10.3%	Link
PVD	Dầu khí	26.0	-2.62%	1.1	14,453	277.0	1,602	16.2	8.3%	5.5%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	32.2	-0.62%	1.3	11,157	15.7	1,262	25.5	24.8%	10.1%	
MBS	Dịch vụ tài chính	28.3	-0.70%	1.8	18,641	38.8	1,676	16.9	5.2%	13.9%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	65.4	3.15%	0.8	157,807	179.1	5,014	13.0	1.8%	18.9%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	14.9	-2.30%	0.9	34,894	155.3	812	18.3	3.7%	5.8%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	64.6	-0.92%	0.7	34,991	12.1	4,776	13.5	49.0%	13.2%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	203.9	0.20%	0.4	120,630	525.1	2,897	70.4	7.2%	7.8%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	46.7	0.21%	0.9	42,097	576.4	2,313	20.2	7.9%	14.1%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	63.5	-0.78%	1.0	27,082	35.6	3,501	18.1	43.2%	11.2%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	60.8	-0.16%	0.6	10,267	64.1	6,185	9.8	7.2%	31.0%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	18.8	-0.53%	0.9	8,811	45.7	2,090	9.0	9.6%	12.2%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	101.6	2.63%	0.0	12,373	40.3	3,139	32.4	4.7%	23.0%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	91.6	0.66%	0.9	31,249	51.4	6,918	13.2	48.8%	20.0%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	28.1	-0.53%	1.0	3,143	14.3	2,535	11.1	48.5%	12.3%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	18.9	-2.07%	1.4	2,433	17.2	2,870	6.6	17.0%	18.7%	Link
DPM	Hóa chất	23.1	0.00%	1.1	15,706	47.5	1,212	19.1	3.7%	7.4%	Link
GVR	Hóa chất	26.7	-2.20%	1.8	106,800	51.2	1,569	17.0	0.4%	11.3%	
EIB	Ngân hàng	21.8	-1.14%	0.9	40,514	420.5	1,635	13.3	3.1%	11.8%	Link
LPB	Ngân hàng	47.9	-1.44%	0.8	143,091	38.7	3,469	13.8	1.0%	23.9%	Link
NAB	Ngân hàng	14.3	0.00%	0.0	24,534	20.4	2,337	6.1	1.5%	19.3%	Link
OCB	Ngân hàng	12.3	0.00%	1.0	32,756	13.8	1,460	8.4	19.6%	12.0%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	16.0	-1.23%	0.9	7,161	76.8	571	28.0	5.0%	3.2%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	29.5	0.85%	1.3	7,855	27.9	2,829	10.4	4.0%	24.1%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	32.2	2.22%	0.7	9,789	69.6	1,715	18.8	2.7%	12.8%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	49.0	5.60%	0.8	62,846	201.5	3,373	14.5	58.5%	18.9%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	57.5	-0.17%	1.1	12,906	31.1	6,944	8.3	19.6%	17.0%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	158.0	0.06%	0.3	12,934	14.3	14,639	10.8	85.1%	41.2%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	84.4	-0.12%	1.1	8,561	21.7	6,560	12.9	49.0%	7.4%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	87.5	1.27%	1.2	10,009	23.8	5,128	17.1	5.1%	29.3%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	43.2	-0.92%	1.1	4,355	16.4	3,037	14.2	5.6%	15.0%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	14.3	0.00%	1.2	7,088	83.4	1,106	12.9	9.8%	5.2%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	21.7	0.00%	1.0	8,925	15.3	1,377	15.8	12.4%	10.0%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	23.8	0.00%	0.9	15,354	81.8	6,148	3.9	4.9%	44.3%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	43.8	-0.45%	1.2	19,638	20.8	3,090	14.2	2.9%	15.8%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC Navigator T11.2025: Quy hoạch Việt Nam giai đoạn 2026 - 2030	X		Click
2	BSC Navigator T10.2025: TTCK Việt Nam chính thức được nâng hạng - Dòng tiền khối ngoại tại châu Á	x		Click
3	BSC Insight Nâng hạng Thị trường Chứng khoán Việt Nam - Cận kề đích đến (Kỳ 3)	x		Click
4	BSC Navigator T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
5	BSC Navigator T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Click
6	Equity 360 Báo cáo ngành Q3.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
7	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
8	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
9	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
10	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
11	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
12	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
13	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
14	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
15	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
16	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
17	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
18	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
19	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
20	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
21	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
22	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
23	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
24	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
25	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
26	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
27	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích - Nghiên cứu
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính
Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
Khu vực miền Bắc: (024) 39264 660
Khu vực miền Nam: (028) 38218 889

Website: <http://www.bsc.com.vn>